THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Phát hành Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Công ty Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên theo Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 17/03/2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000110 ngày 29/07/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã có 2 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/12/2009), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Phát hành sách giáo khoa, sách các loại;
- Kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm;
- Đầu tư xây dựng trường học;
- Kinh doanh siêu thị;
- Sản xuất các loại thiết bị trường học;
- In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Mua bán ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ;
- Đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Cho thuê văn phòng, nhà hàng, khách sạn;
- Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh tua du lịch;
- Tư vấn du học.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 50
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8

4.7 Tài sản cố định vô hình

Các tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi được trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Đối với các sản phẩm khác như tem, nhãn, mẫu biểu, một số thiết bị…. áp dụng thuế suất 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Đối với hoạt động của Trường Ngô Quyền: Được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN trong 5 năm tiếp theo. Những ưu đãi về Thuế Thu nhập doanh nghiệp này được quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường.
- ✓ Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng mức thuế suất là 25%

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt tại quỹ	92.684.819	188.332.000
Tiền gởi ngân hàng	116.328.770	509.934.182
Cộng	**209.013.589**	**698.266.182**

6. Các khoản phải thu khác

	31/03/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu người lao động (BHXH,TN,YT)	90.283.826	52.585.651
Phải thu tiền điện, thuế đất	1.409.167	4.174.970
Phải thu kinh phí vận chuyển pokemom	6.084.000	-
Cộng	**97.776.993**	**56.760.621**

7. Hàng tồn kho

	31/03/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng hóa	1.100.199.978	1.357.171.721
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(16.115.775)	(16.115.775)
Cộng	**1.084.084.203**	**1.341.055.946**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	18.433.451.364	622.562.686	66.449.444	19.122.463.494
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**18.433.451.364**	**622.562.686**	**66.449.444**	**19.122.463.494**
Khấu hao				
Số dư đầu năm	1.250.237.696	156.678.587	56.157.299	1.463.073.581
Khấu hao trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**1.250.237.696**	**156.678.587**	**56.157.298**	**1.463.073.581**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	17.183.213.669	465.884.099	10.292.146	17.659.389.913
Số cuối kỳ	**17.183.213.668**	**465.884.099**	**10.292.146**	**17.659.389.913**

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/03/2011 là 284.285.328 đồng

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý bán hàng VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	30.000.000	-	30.000.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**30.000.000**	**-**	**30.000.000**
Khấu hao		-	
Số dư đầu năm	13.750.000	-	13.750.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**13.750.000**	**-**	**13.750.000**
Giá trị còn lại		-	
Số đầu năm	16.250.000	-	16.250.000
Số cuối kỳ	**16.250.000**	**-**	**16.250.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2011 VND	31/12/2010 VND
Công trình nhà lớp học 3 tầng Trường Ngô Quyền	198.564.000	198.564.000
Cộng	**198.564.000**	**198.564.000**

11. Đầu tư dài hạn khác

	31/03/2011 VND	31/12/2010 VND
Cho vay vốn	500.000.000	500.000.000
Cộng	**500.000.000**	**500.000.000**

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu doanh nghiệp	306.440.066	259.293.672
Thuế thu nhập cá nhân	10.060.425	10.060.425
Cộng	**316.500.491**	**269.354.097**

13. Chi phí phải trả

	31/03/2011 VND	31/12/2010 VND
Lãi vay phải trả Ngân hàng	-	44.123.190
Cộng	**-**	**44.123.190**

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	105.701.877	102.936.439
Cộng	**105.701.877**	**102.936.439**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Vay và nợ dài hạn

	31/03/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn	2.385.000.000	2.385.000.000
Cộng	**2.385.000.000**	**2.385.000.000**

Khoản vay trên là để đầu tư xây dựng Siêu thị sách tại Thành phố Hưng Yên theo hợp đồng vay số 300054055-01/HĐTD/Vietinbank-STB ngày 19/8/2009. Theo đó, thời hạn vay là 72 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng, lãi suất điều chỉnh từng kỳ (được hỗ trợ lãi suất 4%/năm đến 31/12/2011). Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay này là công trình Siêu thị sách hình thành từ vốn vay.

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của CSH VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	LNST chưa phân phối VND
Số dư tại 1/1/10	15.000.000.000	129.424.900	21.324.500	(1.010.606.000)	300.716.433	70.000.000	1.273.813.692
Tăng trong năm	-	116.440.000	-	-	-	-	857.464.940
Giảm trong năm	-	-	-	893.850.000	-	-	1.273.813.692
Số dư tại 31/12/2010	**15.000.000.000**	**245.864.900**	**21.324.500**	**(116.756.000)**	**300.716.433**	**70.000.000**	**857.464.940**
Số dư tại 1/1/11	15.000.000.000	245.864.900	21.324.500	(116.756.000)	300.716.433	70.000.000	857.464.940
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	141.439.180
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	60.000.000
Số dư tại 31/03/2011	**15.000.000.000**	**245.864.900**	**21.324.500**	**(116.756.000)**	**300.716.433**	**70.000.000**	**938.904.120**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2011 VND	31/12/2010 VND
Tổng công ty đầu tư & KD vốn NN	1.936.400.000	1.936.400.000
Nhà xuất bản giáo dục	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP đầu tư tài chính giáo dục	2.390.000.000	2.390.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.058.000.000	6.058.000.000
Giá trị cổ phiếu quỹ theo mệnh giá	115.600.000	115.600.000
Cộng	**15.000.000.000**	**15.000.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/03/2011	31/12/2010
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.500.000	1.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp đủ vốn	1.500.000	1.500.000
+ Cổ phiếu thường	*1.500.000*	*1.500.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	11.560	11.560
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.488.440	1.488.440
+ Cổ phiếu thường	*1.488.440*	*1.488.440*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/03/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước mang sang	857.464.940	1.273.813.692
Lợi nhuận sau thuế TNDN	141.439.180	857.464.940
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	**60.000.000**	**1.273.813.692**
Phân phối lợi nhuận của năm trước	**60.000.000**	**1.273.813.692**
- Trích Quỹ đầu tư và phát triển	-	-
- Trích Quỹ Dự phòng tài chính	-	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	60.000.000	-
- Trả cổ tức bằng tiền	-	1.259.946.000
- Diêù chỉnh giảm khác	-	2.000.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	**-**	**11.867.692**
- Trích Quỹ đầu tư và phát triển	-	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	11.867.692
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**938.904.120**	**857.464.940**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quí 1Năm 2011 VND	Quí 1 Năm 2010 VND
Tổng doanh thu		
- Doanh thu bán hàng và CCDV	1.651.869.490	970.244.807
Các khoản giảm trừ doanh thu	**-**	**45.271.997**
+ Hàng bán bị trả lại	-	-
+ Chiết khấu thương mại	-	45.271.997
+ Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1.651.869.490**	**924.972.810**

18. Giá vốn hàng bán

	Quí 1Năm 2011 VND	Quí 1 Năm 2010 VND
Giá vốn hàng hoá dịch vụ đã cung cấp	1.018.944.664	841.314.204
Cộng	**1.018.944.664**	**841.314.204**

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quí 1Năm 2011 VND	Quí 1 Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi	5.538.172	60.812.702
Cộng	**5.538.172**	**60.812.702**

20. Chi phí hoạt động tài chính

	Quí 1Năm 2011 VND	Quí 1 Năm 2010 VND
Lãi tiền vay phải trả Ngân hàng Công thương	55.761.921	-
Cộng	**55.761.921**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Thu nhập khác

	Quí 1Năm 2011 VND	Quí 1 Năm 2010 VND
Thu phạt	5.872.015	4.385.617
Cộng	**5.872.015**	**4.385.617**

22. Chi phí khác

	Quí 1Năm 2011 VND	Quí 1 Năm 2010 VND
Thanh lý hàng	-	10.975.201
Phạt châm thanh toán	33.402.661	-
Chi phí khác	5.191.094	-
Cộng	**38.593.755**	**10.975.201**

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	Quí 1 Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	**188.585.574**	**1.116.758.612**
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	**-**	**90.291.042**
Tổng thu nhập chịu thuế	**188.585.574**	**1.207.049.654**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**47.146.394**	**259.293.672**
+ Chi phí thuế TNDN hiện hành (25%)	*47.146.394*	*276.281.169*
+ Thuế TNDN được giảm	*-*	*16.987.497*
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**141.439.180**	**857.464.940**

24. Thông tin các bên liên quan

a. Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong quí gồm:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Nhà xuất bản giáo dục Việt nam	*Công ty đầu tư*		
Công ty CPSách & TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	Mua sách GK	296.067.813
Công ty CP đầu tư & PT GD Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	Mua sách bổ trợ	256.281.120
Công ty CP Sách GD tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	Mua STK	-
Công ty CP bản đồ và tranh ảnh GD	Chung Công ty đầu tư	Mua TB, tranh ảnh	-
Công ty CP Sách – ĐH dạy nghề	Chung Công ty đầu tư	Mua STK	-
Công ty CP Học liệu GD Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	Mua giấy vở	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty CP sách dịch & từ điển GD	Chung Công ty đầu tư	Mua STK	1.824.000
Nhà xuất bản GD tại Dà Năng	Chung Công ty đầu tư	Mua STK	1.595.000
Công ty CP Sách dân tôc	Chung Công ty đầu tư	Mua STK	7.254.090
Tạp chí Toán tuôi thơ	Chung Công ty đầu tư	Mua STK	1.980.300

b. Vào ngày kết thúc quí, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	**Mối quan hệ**	**Nội dung nghiệp vụ**	**Giá trị VND**
Nhà xuất bản giáo dục Việt nam	*Công ty đầu tư*		
Công ty CPSách & TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	Mua sách GK	750.294.767
Công ty CP đầu tư & PT GD Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	Mua sách bổ trợ	958.740.262
Công ty CP Sách GD tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	Mua STK	150.000.000
Công ty CP bản đồ và tranh ảnh GD	Chung Công ty đầu tư	Mua TB, tranh ảnh	69.374.080
Công ty CP Sách – ĐH dạy nghề	Chung Công ty đầu tư	Mua STK	109.203.890
Công ty CP Học liệu GD Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	Mua giấy vở	-
Công ty CP sách dịch & từ điển GD	Chung Công ty đầu tư	Mua STK	1.824.000
Nhà xuất bản GD tại Dà Năng	Chung Công ty đầu tư	Mua STK	92.884.000
Công ty CP Sách dân tôc	Chung Công ty đầu tư	Mua STK	26.342.450
Tạp chí Toán tuôi thơ	Chung Công ty đầu tư	Mua STK	1.980.300

c. Thu nhập của thành viên HĐQT và Ban giám đốc

	Quí 1 Năm 2011 VND	**Quí 1 Năm 2010 VND**
Lương của Ban giám đốc	43.712.500	49.939.500
Thù lao của Hội đồng quản trị và BKS	16.500.000	16.500.000
Cộng	**60.212.500**	**66.439.500**

25. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính

Giám đốc **Kế toán trưởng**

Nguyễn Văn Luận **Đinh Thị Bích Dung**

Hưng Yên, ngày 05 tháng 04 năm 2011